

Land&Life

VOL.46 | HẢI DƯƠNG | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**
INTEGRATED INFRASTRUCTURE RESEARCH PROJECT MANAGEMENT CONSULTING KNOWLEDGE



HẢI DƯƠNG (2021-2025)

Bản đồ hành chính huyện/thành phố

Chỉ tiêu phát triển chính giai đoạn 2021 -2025

46

JUL - 2022

Lưu hành nội bộ



Quý độc giả thân mến,

Ở số tạp chí trước, chúng ta đã cùng đi khám phá tỉnh Bắc Giang với những mục tiêu phát triển trong nhiệm kỳ mới. Vol.46 Land&Life tiếp nối hành trình đi tìm hiểu về 63 tỉnh thành của Việt Nam, chúng tôi xin được giới thiệu tới Quý độc giả về tỉnh Hải Dương.

Hải Dương nằm ở vị trí trung tâm đồng bằng sông Hồng, thuộc tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc. Sau 25 năm tái lập tỉnh, trong bối cảnh có nhiều thuận lợi cơ bản nhưng cũng gặp không ít khó khăn, Hải Dương đã tận dụng những tiềm năng của tỉnh để nỗ lực vượt qua thách thức, xây dựng và phát triển tỉnh đạt nhiều kết quả ấn tượng: tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (giá 2010) tăng bình quân 8,1%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 68,9 triệu đồng (tương đương khoảng 3.020 USD); cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ chiếm 90,3%, nông nghiệp chiếm 9,7% GRDP.

Nhiệm kỳ mới, Hải Dương đặt mục tiêu phấn đấu trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, tạo nền tảng để Hải Dương sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.46 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!

Chịu trách nhiệm nội dung



Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương



PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Man Tuan
Ho Man Tuan

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Trần Anh Quốc Cường

Đinh Thị Minh Hậu

Lê Tiến Trung

Lê Minh Dũng

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng

✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT FL, Sky City Towers

☎ +84 2437767065



Thành phố Hải Dương



Huyện



Thành phố Chí Linh



Thị xã Kinh Môn





22

Huyện Bình Giang



38

Huyện Nam Sách



26

Cẩm Giàng



30

Huyện Gia Lộc



42

Huyện Ninh Giang



34

Huyện Kim Thành



46

Huyện Thanh Hà

TỈNH HẢI DƯƠNG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Tỉnh Hải Dương là một tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng, trải dài từ 20°43' đến 21°14' độ vĩ Bắc, 106°03' đến 106°38' độ kinh Đông, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang.

Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng

Phía Tây giáp tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Hưng Yên.

Phía Nam giáp tỉnh Thái Bình.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

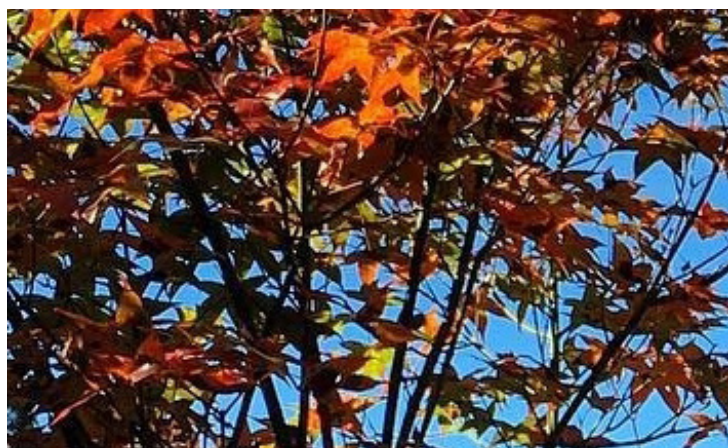
Diện tích: 1.668,20 km²

Dân số trung bình: 1.936.774 người

Mật độ: 1.161 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Tỉnh Hải Dương có 12 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 2 thành phố, 1 thị xã và 9 huyện với 235 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 47 phường, 178 xã và 10 thị trấn.



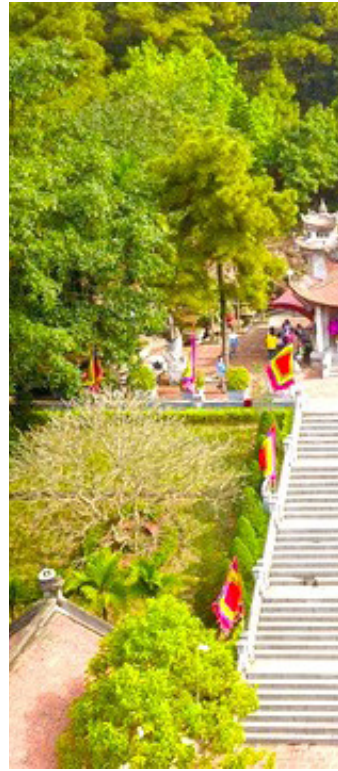
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030



Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; phát huy ý chí, khát vọng và sức phát triển nhanh và bền vững. Cơ cấu lại kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, chuyển đổi số với các trụ cột: (1) công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ; (2) sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao; (3) dịch vụ chất lượng cao; (4) phát triển đô thị xanh, thông minh, hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh. Phấn đấu đến năm 2025 là tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, năm 2030 là tỉnh công nghiệp hiện đại, tạo nền tảng để Hải Dương sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.



- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân 9% trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 115 triệu đồng (tương đương 4.800USD), năm 2030 đạt 200 triệu đồng (tương đương 7.700 USD).
- Thu nhập thực tế bình quân đầu người/năm đến năm 2025 đạt 85 triệu đồng, đến năm 2030 đạt 140 triệu đồng.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 8%, công nghiệp - xây dựng 61,5%, dịch vụ 30,5%; đến năm 2030 là: 6% - 63,8% - 30,2%. Cơ cấu lao động tương ứng trong từng lĩnh vực đến năm 2025: 19% - 50,5% - 30,5%, năm 2030: 14,5% - 53,0% - 32,5%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ năm 2025 đạt 33% (đến năm 2030 đạt 43%); tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội phần đầu đạt 55% (đến năm 2030 phần đầu đạt 65%), tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đến năm 2025 đạt 95% (đến năm 2030 đạt trên 99%).
- Tỷ lệ đóng góp của năng suất lao động các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt 50%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt 8,5%/năm.
- Số doanh nghiệp thành lập mới tăng hằng năm từ 15% trở lên.
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 210 triệu đồng; năm 2030 đạt 270 triệu đồng.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025 đạt 20%;





- Thu ngân sách nội địa tăng bình quân 10%/năm;
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 45%, năm 2030 đạt trên 60%;
- Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2025 đạt 0,77; đến năm 2030 đạt 0,80;
- Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia năm 2025: Mầm non: 70%; Tiểu học: 98,7%; THCS: 95%; THPT: 80%;
- Năm 2025: Số giường bệnh (không tính các trạm y tế cấp xã) đạt 36 giường/vạn dân (năm 2030 là 40,5 giường/1 vạn dân); 10 bác sĩ/vạn dân (năm 2030 là 11 bác sĩ/1 vạn dân);
- Phần đầu giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn nghèo mới; vào năm 2025 tỷ lệ thất nghiệp còn 3% - 4%, tỷ lệ thiếu việc làm còn 2%;
- Duy trì tỷ lệ 90% làng, khu dân cư văn hóa, 85% cơ quan văn hoá trở lên;
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 vào năm 2025 đạt 80%;
- Năm 2025, 100% các cụm công nghiệp (có chủ đầu tư hạ tầng) có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu; 100% các doanh nghiệp thuộc đối tượng được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Hằng năm, có từ 80% tổ chức cơ sở đảng và 90% tổ chức cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- Mỗi năm kết nạp từ 2.200 đảng viên mới trở lên

TP. HẢI DƯƠNG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Hải Dương là trung tâm kinh tế, kỹ thuật, giáo dục, khoa học, y tế, dịch vụ của tỉnh Hải Dương, nằm trong vùng thủ đô Hà Nội và tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Thanh Hà và huyện Kim Thành

Phía Tây giáp huyện Cẩm Giàng

Phía Nam giáp huyện Gia Lộc và huyện Tứ Kỳ

Phía Bắc giáp huyện Nam Sách.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 111,64 km²

Dân số trung bình: 241.373 người

Mật độ: 2.162 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Hải Dương có 25 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 19 phường: Ái Quốc, Bình Hàn, Cẩm Thượng, Hải Tân, Lê Thanh Nghị, Nam Đồng, Ngọc Châu, Nguyễn Trãi, Nhị Châu, Phạm Ngũ Lão, Quang Trung, Tân Bình, Tân Hưng, Thạch Khôi, Thanh Bình, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Tứ Minh, Việt Hòa và 6 xã: An Thượng, Gia Xuyên, Liên Hồng, Ngọc Sơn, Quyết Thắng, Tiền Tiến



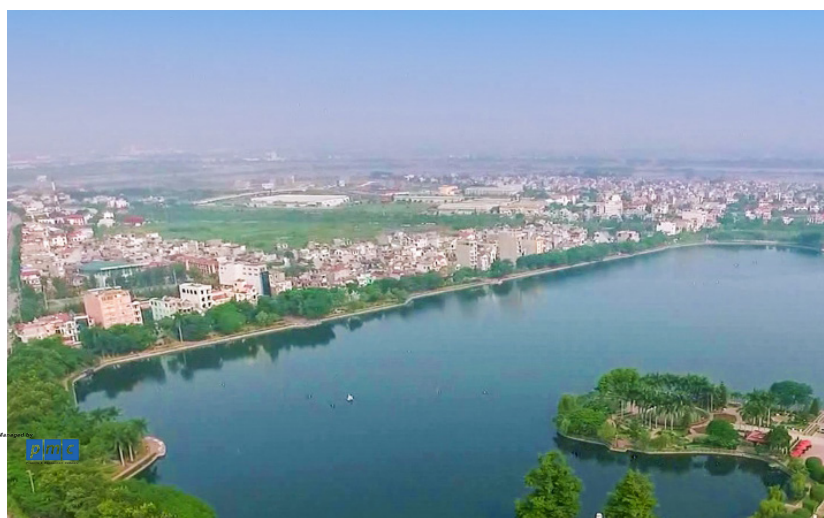


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030



Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị; đổi mới, sáng tạo, huy động, sử dụng mọi nguồn lực, khai thác phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế phát triển TP. Hải Dương nhanh, bền vững, củng cố quốc phòng, quân sự địa phương, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phấn đấu đến năm 2030 TP. Hải Dương cơ bản trở thành đô thị xanh, thông minh, thân thiện, an toàn. Để thực hiện mục tiêu trên, Đại hội xác định thực hiện 3 nhiệm vụ đột phá: 1) Quy hoạch, xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và khu đô thị xanh kiểu mẫu. 2) Xây dựng chính quyền đô thị, chính quyền điện tử. 3) Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát huy vai trò gương mẫu, đổi mới, sáng tạo của cấp ủy, chính quyền, trước hết là người đứng đầu, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố trong giai đoạn mới.

- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng 13,5% trở lên so với năm 2021;
- Giá trị sản xuất các ngành thương mại và dịch vụ tăng 13,5%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 10% trở lên;
- Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản tăng 3,5% trở lên so với năm 2021.
- Thu ngân sách nhà nước tăng 5,0 % trở lên so với KH tỉnh giao;
- Xây dựng từ 01 đến 02 phường đạt chuẩn văn minh đô thị và 01 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch;
- Xây dựng thêm 02-04 làng, KDC được công nhận làng, KDC văn hóa; 05-07 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt danh hiệu cơ quan, đơn vị văn hóa cấp thành phố; duy trì trên 90% số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa;
- Thêm 01 trường học đạt chuẩn Quốc gia mới;
- Tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 (theo chuẩn mới giai đoạn 2022-2025) là 1,35%;
- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện do tỉnh công bố đạt mức độ 4 và 50% hồ sơ lĩnh vực đất đai được thanh toán trực tuyến; tăng tối thiểu 20% việc số hóa kết quả TTHC và triển khai số hóa TTHC tại 25/25 phường xã.
- Chỉ số cải cách hành chính thành phố xếp thứ nhất trong khối cơ quan cấp huyện; sự hài lòng của tổ chức, người dân đạt trên 90%.





TP. CHÍ LINH

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

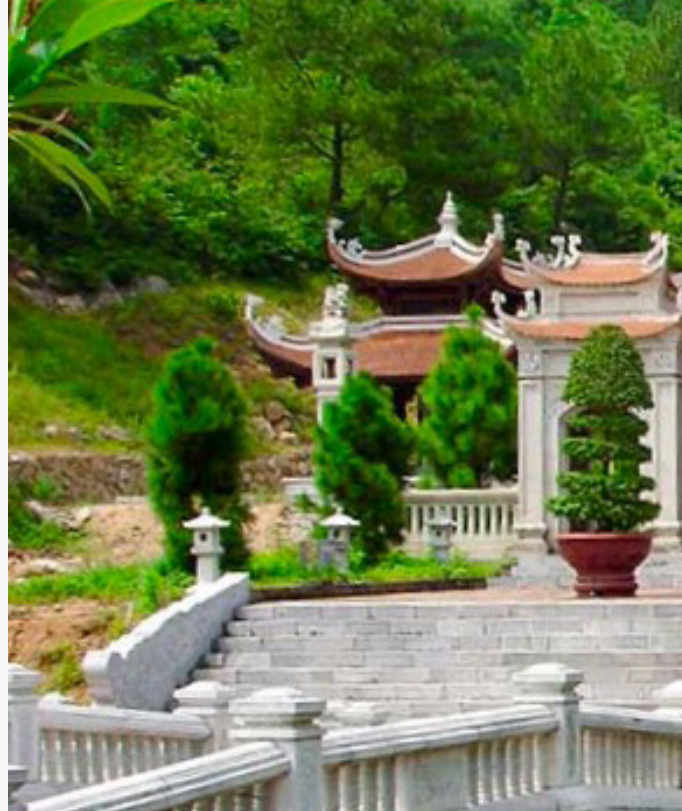
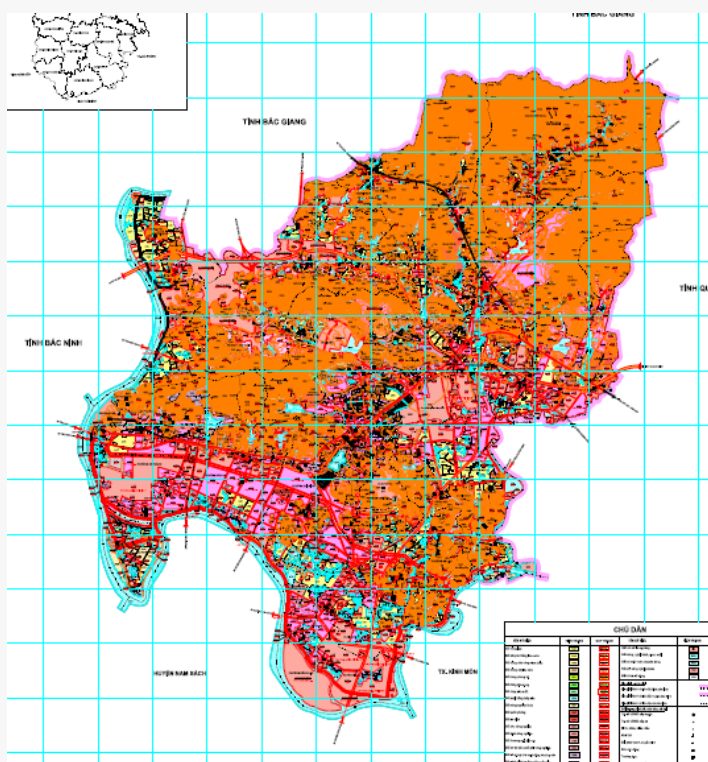
Thành phố Chí Linh nằm ở phía Bắc tỉnh Hải Dương, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp thị xã Kinh Môn (với ranh giới là sông Kinh Thầy) và thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Phía Tây giáp huyện Quế Võ, huyện Gia Bình và huyện Lương Tài thuộc tỉnh Bắc Ninh (qua sông Thái Bình) và huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (qua sông Thương)

Phía Nam giáp huyện Nam Sách với ranh giới là sông Kinh Thầy

Phía Bắc giáp huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 282,91 km²

Dân số trung bình: 171.879 người

Mật độ: 608 người/km²

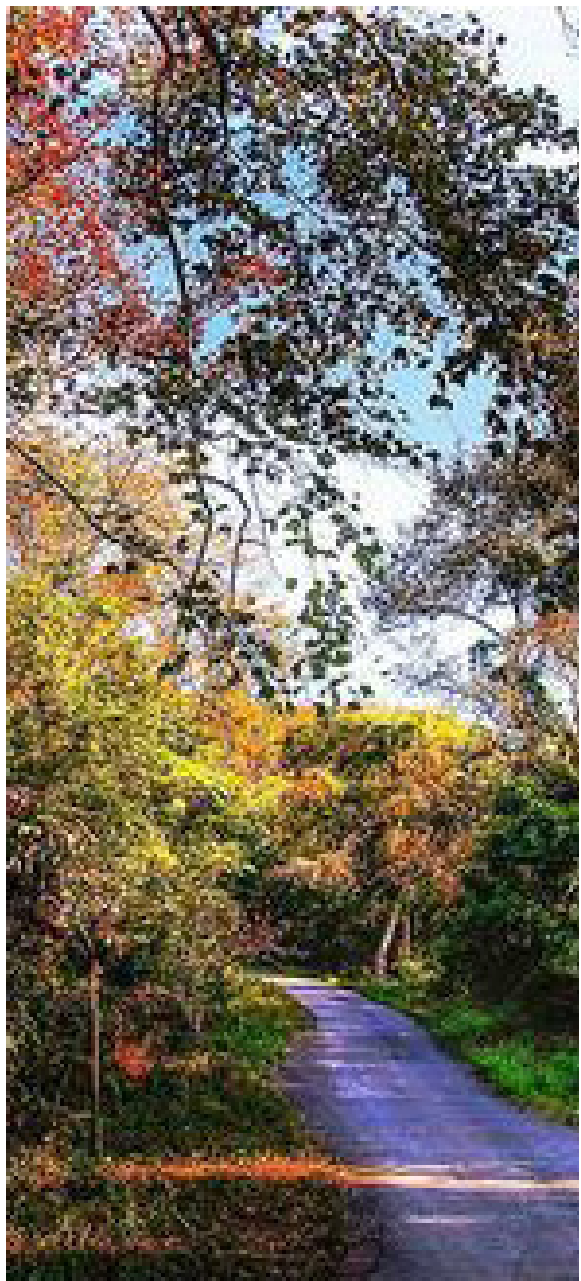
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Chí Linh có 19 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 14 phường: An Lạc, Bến Tắm, Chí Minh, Cổ Thành, Cộng Hòa, Đồng Lạc, Hoàng Tân, Hoàng Tiến, Phả Lại, Sao Đỏ, Tân Dân, Thái Học, Văn An, Văn Đức và 5 xã: Bắc An, Hoàng Hoa Thám, Hưng Đạo, Lê Lợi, Nhân Huệ.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030



Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, phát huy mạnh mẽ tiềm năng, thế mạnh

xây dựng thành phố Chí Linh giàu đẹp, văn minh, hiện đại phù hợp với định hướng phát triển đô thị Việt Nam và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương (2020 - 2045). Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng; phát triển công nghiệp, xây dựng là mũi nhọn, thương mại, dịch vụ du lịch là quan trọng, năng lâm, thủy sản là nền tảng, hỗ trợ phát triển bền vững. Huy động mọi nguồn lực phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại, hoàn thiện tiêu chí đô thị loại II, hướng đến đô thị loại I. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, con người, xây dựng người Chí Linh văn minh, thân thiện, năng động; bảo vệ môi trường; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh cải cách hành chính; tạo môi trường hấp dẫn thu hút đầu tư, đưa Chí Linh là đô thị động lực, trung tâm kinh tế, văn hóa, thương mại, du lịch và công nghiệp của tỉnh Hải Dương



- Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 2%/năm;
- Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân 15%/năm;
- Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 80 năm;
- Đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người đạt 120 triệu đồng người năm
- Đến năm 2025, cơ cấu kinh tế: tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng chiếm 65,2.; thương mại, dịch vụ, du lịch 26,7%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 8,1%; tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đạt 80%,
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 185 triệu đồng/ha
- Đến năm 2025, có 5/5 xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu;
- Thu ngân sách trên địa bàn bình quân hàng năm trên 10 năm so với kế hoạch tỉnh giao
- Đến năm 2025, có 30% trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ II; giữ vững chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non trẻ 5 tuổi; nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3





- Đến năm 2025, tỷ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% - 95%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 50% - 55%;
- Đến năm 2025, số giường bệnh đạt 24 giường 1 vạn dân, 4 bác sĩ 1 vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống 9,5%. Duy trì 100% các trạm y tế xã, phường đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.
- Đến năm 2025, giảm 4/5 quy mô số hộ nghèo theo chuẩn mới;
- Hàng năm, duy trì 95% trở lên làng, khu dân cư văn hóa, cơ quan văn hóa
- Đến năm 2025, thành phố Chí Linh đạt đô thị loại II; đến năm 2035 đạt đô thị loại I;
- Đến năm 2025, dân số toàn thành phố đạt 190.000 người trở lên; 70% trục phố chính đặt “Tuyến phố văn minh đô thị”. Tỷ lệ diện tích cây xanh toàn đô thị đạt 15m/người (khu vực nội thành, nội thị đạt 7m người); chiếu sáng công cộng các đường phố, trục chính đạt 100%, khu nhà ở ngõ, xóm đạt 90%
- Đến năm 2025, có 100% tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước máy, nước sạch hợp vệ sinh; tỷ lệ rác thải được thu gom xử lý đạt 100%; 100% cụm công nghiệp có trạm xử lý nước thải tập trung; các doanh nghiệp được cấp chứng chỉ về môi trường; tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam 50% trở lên;
- Đón khách du lịch đạt trung bình 1,8 triệu lượt khách/năm;
- Hàng năm, tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 80%: 50% tổ chức cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đạt vững mạnh, xuất sắc; số lượng đảng viên mới được kết nạp trung bình hàng năm đạt 190 – 210 đảng viên.

THỊ XÃ KINH MÔN

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

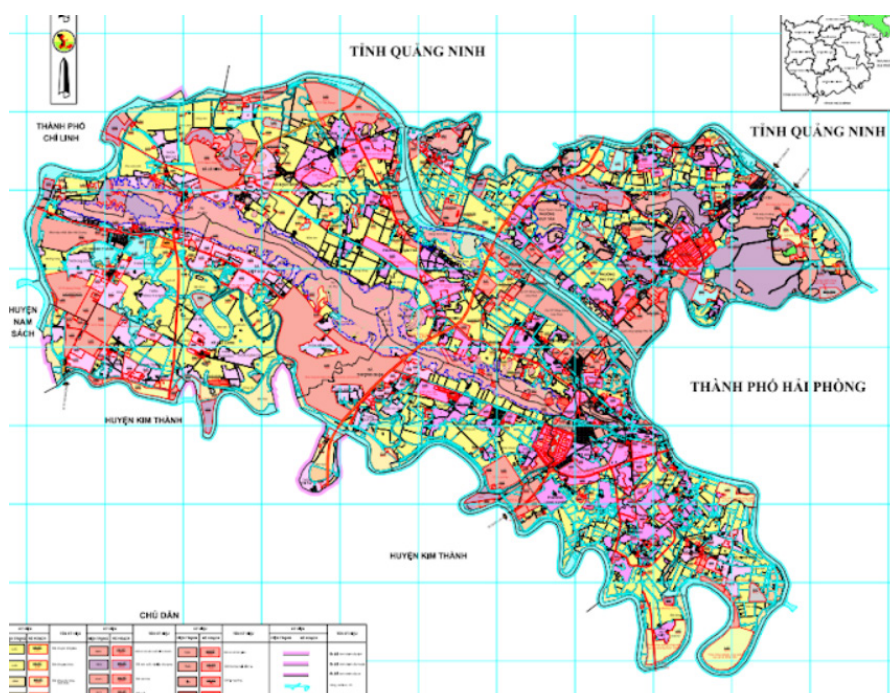
Thị xã Kinh Môn nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Hải Dương, có vị trí địa lý:

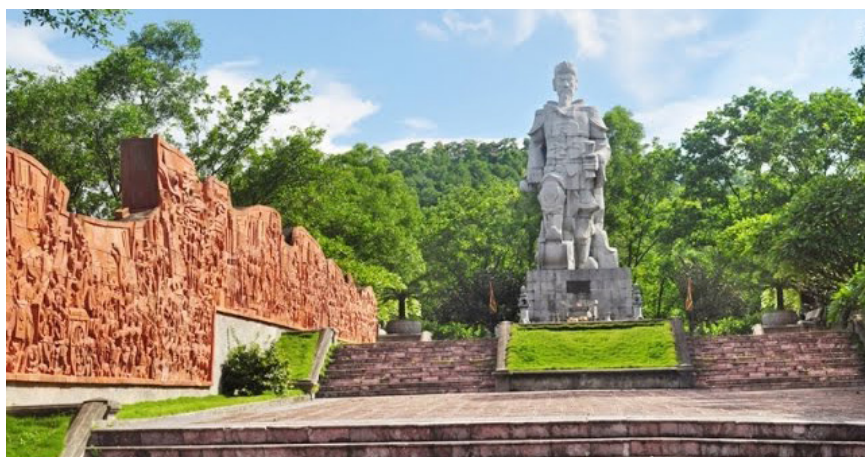
Phía Đông giáp huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Phía Tây giáp thành phố Chí Linh và huyện Nam Sách

Phía Nam giáp huyện Kim Thành và huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

Phía Bắc giáp thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

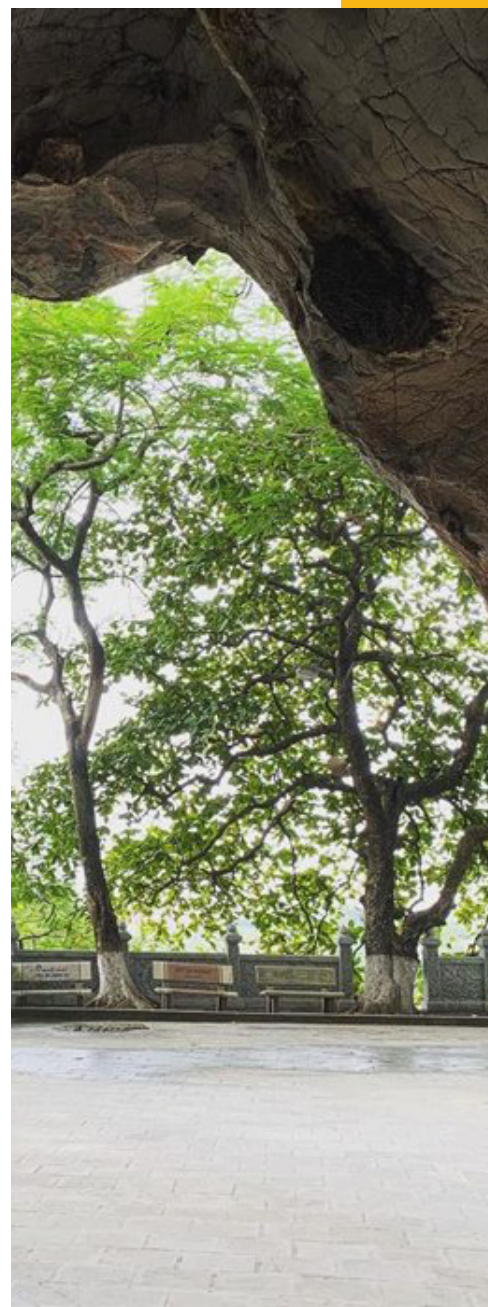
Diện tích: 165,33 km²

Dân số trung bình: 126.325 người

Mật độ: 764 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thị xã Kinh Môn có 23 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 14 phường: An Lưu, An Phụ, An Sinh, Duy Tân, Hiến Thành, Hiệp An, Hiệp Sơn, Long Xuyên, Minh Tân, Phạm Thái, Phú Thứ, Tân Dân, Thái Thịnh, Thất Hùng và 9 xã: Bạch Đằng, Hiệp Hòa, Hoàng Sơn, Lạc Long, Lê Ninh, Minh Hòa, Quang Thành, Thăng Long, Thượng Quận.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

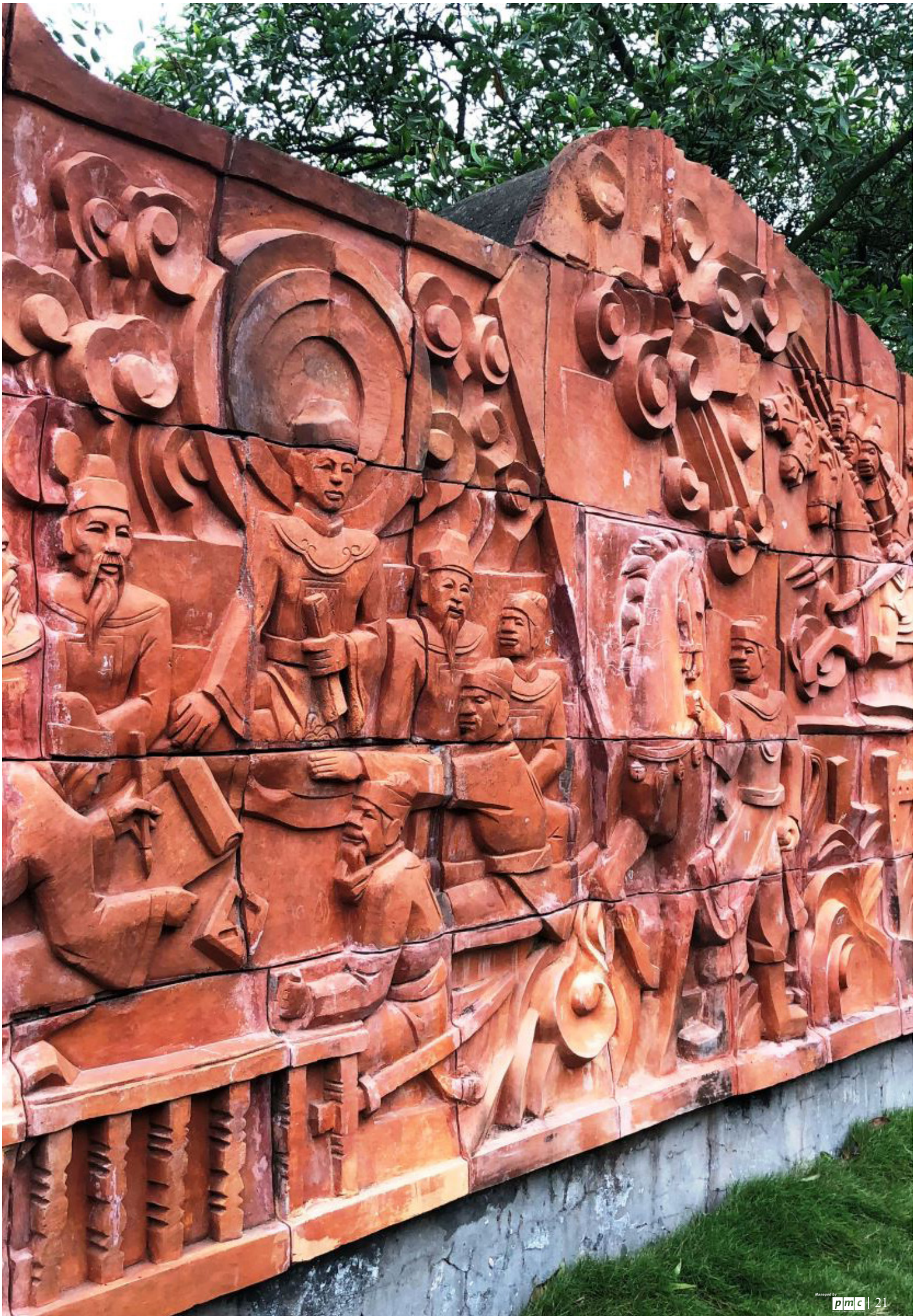
**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
TẦM NHÌN ĐẾN 2030**



Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Huy động mọi nguồn lực, tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, tỷ trọng giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng ưu tiên phát triển dịch vụ, thương mại và du lịch; chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế; quan tâm đầu tư phát triển nông nghiệp hữu cơ chất lượng cao theo mô hình sản xuất tập trung, trang trại, đồi rừng; gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ. Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa; xây dựng nếp sống văn minh đô thị, chăm lo phát triển con người một cách toàn diện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng thị xã Kinh Môn đạt đô thị loại III trước năm 2025 và trở thành thành phố trước năm 2030.

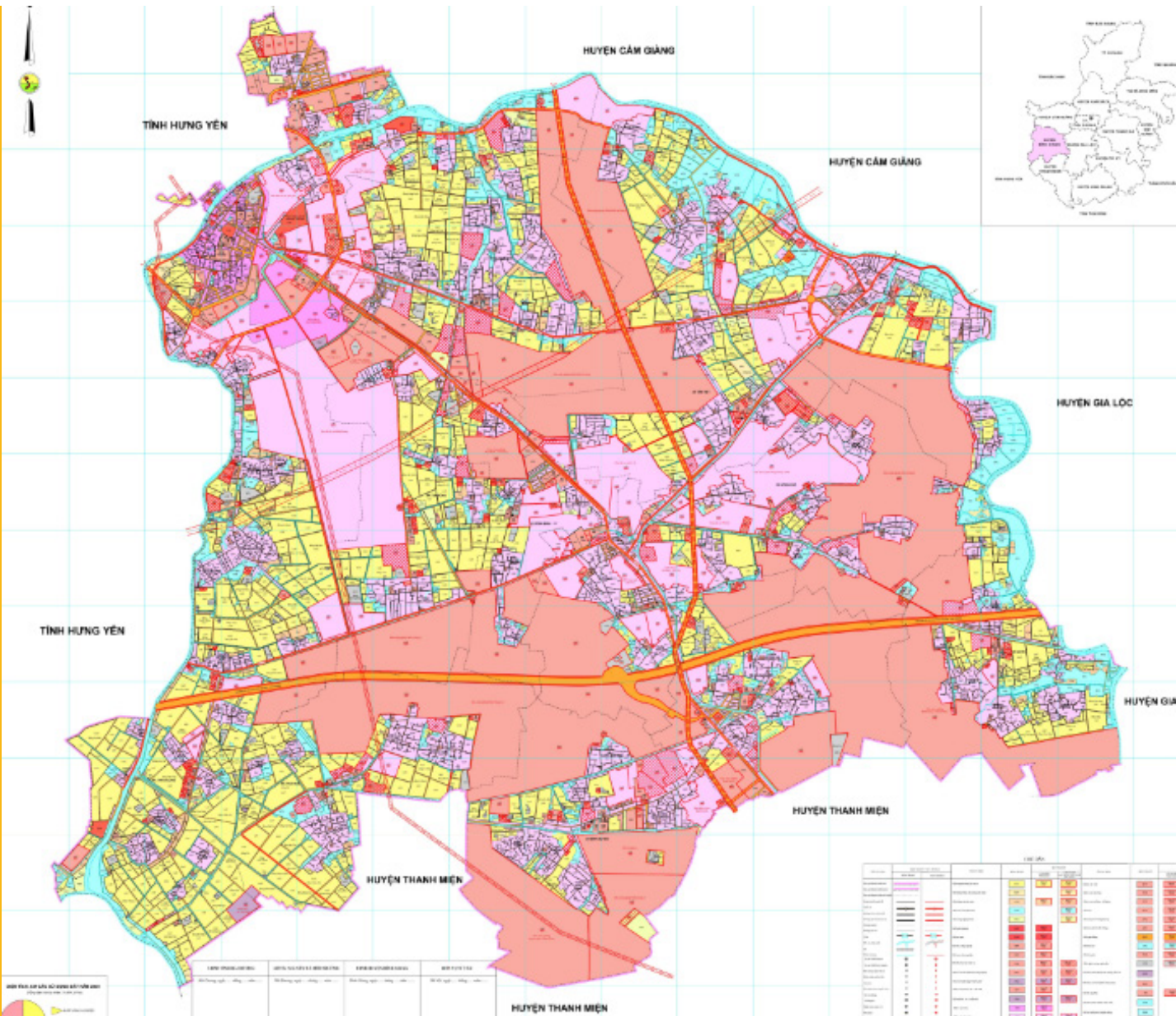


- Tổng giá trị sản xuất một số ngành tăng trưởng bình quân 11%/năm
- Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 115 triệu đồng/người/năm, đến năm 2030 đạt 250 triệu đồng/người/năm;
- Phần đầu có 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có từ 2 xã trở lên đạt nông thôn mới kiểu mẫu;
- Giảm 1/2 số hộ nghèo trong vòng 5 năm tới theo tiêu chuẩn mới, tốc độ giảm bình quân 0,13%/ năm...





HUYỆN BÌNH GIANG





VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Bình Giang nằm ở phía Tây Nam tỉnh Hải Dương, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Gia Lộc

Phía Tây giáp huyện Ân Thi và thị xã Mỹ Hào thuộc tỉnh Hưng Yên

Phía Nam giáp huyện Thanh Miện

Phía Bắc giáp huyện Cẩm Giàng

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 104,7 km²

Dân số trung bình: 119.229 người

Mật độ: 1.139 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bình Giang có 16 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Kê Sắt và 15 xã: Bình Minh, Bình Xuyên, Cổ Bi, Hồng Khê, Hùng Thắng, Long Xuyên, Nhân Quyền, Tân Hồng, Tân Việt, Thái Dương, Thái Học, Thái Hòa, Thúc Kháng, Vĩnh Hồng, Vĩnh Hưng.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đổi mới, sáng tạo, khai thác mọi tiềm năng, lợi thế, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển toàn diện, nhanh và bền vững. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ; xây dựng đô thị xanh và hiện đại, nông thôn mới văn minh, môi trường tự nhiên và xã hội trong lành. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường phòng chống dịch bệnh, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân; xây dựng và phát huy truyền thống văn hóa của quê hương. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh tạo môi trường chính trị xã hội ổn định cho phát triển. Xây dựng huyện đạt đô thị loại IV trước năm 2025 và huyện Bình Giang lên thị xã trước năm 2030.



- Hằng năm đạt giá trị sản xuất các ngành nông nghiệp tăng 1- 1,5%; công nghiệp - xây dựng tăng 14-15%; thương mại- dịch vụ tăng 12-13%;
- Thu ngân sách tăng 10% so với kế hoạch tỉnh giao;
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được học tiếp THPT, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề đạt 95%;
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 99%;
- Có 80% số tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém;
- Kết nạp 110 đảng viên trở lên...
- Huyện phấn đấu đến năm 2025, cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ đạt 10,5% - 52,5% - 37%;
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1ha đất trồng trọt và nuôi thủy sản đạt 170 triệu đồng/ha, có 3 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 100 triệu đồng/năm;
- Giảm 4/5 số hộ nghèo theo chuẩn mới;
- Tất cả các trường công lập đạt chuẩn quốc gia...
- Trong nhiệm kỳ xây dựng 7- 8 xã lên đô thị loại V, huyện Bình Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025 và lên thị xã trước năm 2030...

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Cẩm Giàng nằm ở phía Tây tỉnh Hải Dương, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Nam Sách và TP. Hải Dương

Phía Tây giáp thị xã Mỹ Hào và huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Phía Nam giáp huyện Bình Giang và huyện Gia Lộc

Phía Bắc giáp huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 108,95 km²

Dân số trung bình: 147.810 người

Mật độ: 1.357 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Cẩm Giàng có 17 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Lai Cách, Cẩm Giang và 15 xã: Cẩm Điền, Cẩm Đoài, Cẩm Đông, Cẩm Hoàng, Cẩm Hưng, Cẩm Phúc, Cẩm Văn, Cẩm Vũ, Cao An, Định Sơn, Đức Chính, Lương Điền, Ngọc Liên, Tân Trường, Thạch Lỗi.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Tăng cường xây dựng chính quyền Đảng, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của huyện, đổi mới, sáng tạo, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa - xã hội. Giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống nhân dân. Cùng cố quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; xây dựng huyện Cẩm Giàng phát triển nhanh và bền vững theo hướng công nghiệp, phấn đấu đến năm 2025 cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV, năm 2030 trở thành thị xã.



Kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện tăng bình quân 11,2%/năm, trong đó: Tỷ lệ cơ giới hóa nông nghiệp ở các khâu đạt 80%; Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản tăng bình quân 1,2%/ năm; Giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng ngành chăn nuôi thủy sản và dịch vụ ngành nông nghiệp; Giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 185 triệu đồng/ha; Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 16%/năm; Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân 12%/năm.
- Cơ cấu lao động trong các ngành nông nghiệp, thủy sản - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ đạt 15% - 55% - 30%; tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đạt 40%.
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 10%/năm trở lên.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 90 triệu đồng/người/năm.
- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 5 năm 2020-2025 đạt 1.200 tỉ đồng.



Xã hội

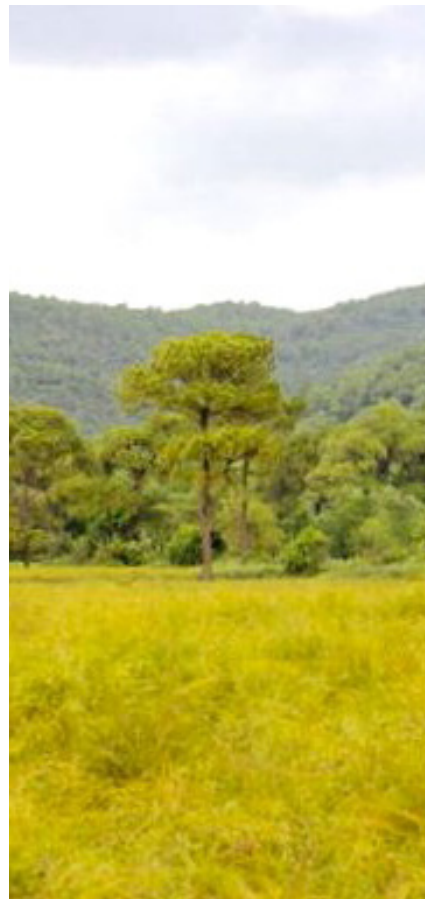
- Đến năm 2025, phấn đấu 100% các trường học trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia.
- Đến năm 2025, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 65%; tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 3%.
- Đến năm 2025, đạt 22 giường bệnh/10.000 dân, 5 bác sĩ/10.000 dân.
- Đến năm 2025, giảm 4/5 quy mô số hộ nghèo theo chuẩn mới so với năm 2020.
- Hằng năm, có trên 85% số hộ gia đình đạt gia đình văn hóa; trên 90% số làng, khu dân cư, cơ quan đạt danh hiệu văn hoá. Phấn đấu mỗi năm tăng từ 5-10%
- Lướt du khách đến tham quan, nghiên cứu tại các di tích trên địa bàn.
- Đến năm 2025, nâng cấp thị trấn Lai Cách mở rộng lên đô thị loại IV, ít nhất 4 xã lên đô thị; huyện Cẩm Giàng cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV, phấn đấu năm 2030 trở thành thị xã.
- Tiếp tục thực hiện mục tiêu chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới, phấn đấu 100% các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trong đó có ít nhất
- 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2025.

Xây dựng đảng

- Hằng năm, có trên 80% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Trên 90% số tổ chức cơ sở của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ;
- 80% số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- Mỗi năm kết nạp 120 đảng viên mới trở lên.

Môi trường

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch vào năm 2025 đạt 100%.
- Đến năm 2025, tiếp tục duy trì 100% số thôn, KDC có tổ thu gom rác thải sinh hoạt.



HUYỆN GIA LỘC

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Gia Lộc là một huyện nằm ở phía tây nam tỉnh Hải Dương với địa giới hành chính:

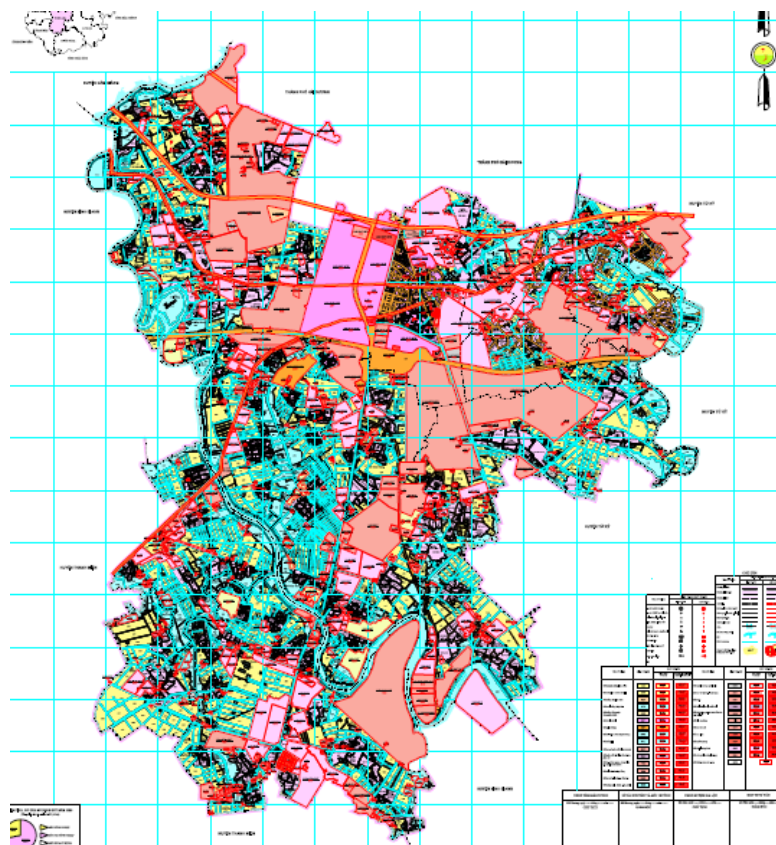
Phía Bắc giáp với thành phố Hải Dương

Phía Tây bắc giáp với huyện Cẩm Giàng với ranh giới tự nhiên là sông Sắt

Phía Tây giáp huyện Bình Giang với ranh giới tự nhiên là sông Đò Dáy

Phía Nam giáp huyện Thanh Miện và huyện Ninh Giang

Phía Đông giáp với huyện Tứ Kỳ.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 99,7 km²

Dân số trung bình: 151.298 người

Mật độ: 1.518 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

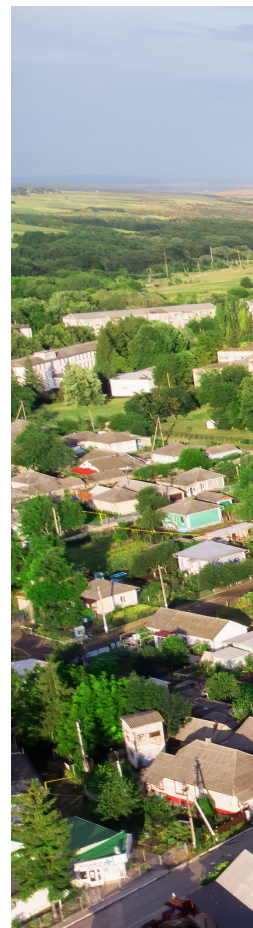
Huyện Gia Lộc có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Gia Lộc và 17 xã: Đoàn Thượng, Đồng Quang, Đức Xương, Gia Khánh, Gia Lương, Gia Tân, Hoàng Diệu, Hồng Hưng, Lê Lợi, Nhật Tân, Phạm Trấn, Quang Minh, Tân Tiến, Thống Kênh, Thống Nhất, Toàn Thắng, Yết Kiêu.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; quy hoạch hạ tầng kinh tế - xã hội theo định hướng xây dựng huyện Gia Lộc đạt tiêu chí đô thị loại IV. Trong đó, lấy thị trấn Gia Lộc - đô thị loại IV là trung tâm và các đô thị loại V theo quy hoạch. Thực hiện tăng trưởng kinh tế đi đôi với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội; bảo vệ tài nguyên và môi trường; giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống; giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Xây dựng huyện Gia Lộc trở thành một trong những trung tâm kinh tế của tỉnh Hải Dương.

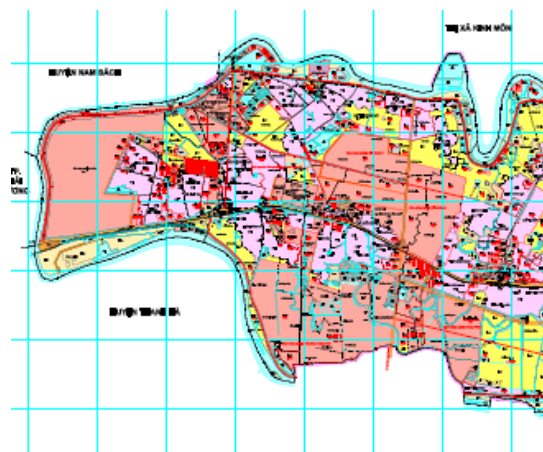
- Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản tăng bình quân 1,2%/năm.
- Giá trị sản xuất CN, TTCN, xây dựng tăng bình quân 10,8%/năm.
- Giá trị dịch vụ tăng bình quân 10,3%/năm.
- Đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người đạt 82 triệu đồng/năm.
- Đến năm 2025, cơ cấu lao động: Nông nghiệp, thủy sản 23,3% - CN, TTCN và XD 48,9% - Dịch vụ thương mại 27,8%; tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đạt 33%.
- Đến năm 2025, giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 242 triệu đồng/ha
- Đến năm 2025, có 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng 10%/năm.
- Duy trì 100% trường học đạt chuẩn Quốc gia; năm 2025, có thêm 15 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.





- Đến năm 2025, tỷ lệ người tham gia BHYT đạt 99% dân số; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 55%.
- Đến năm 2025, đạt 20 giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế); 6,5 bác sĩ/10.000 dân; tỷ lệ giới tính khi sinh dưới 110 bé trai/100 bé gái.
- Đến năm 2025, giảm 4/5 số hộ nghèo theo chuẩn mới.
- Hằng năm, duy trì 90% thôn, khu dân cư văn hoá, cơ quan văn hóa.
- Đến năm 2025, có thêm 6 xã được công nhận là đô thị loại V, thị trấn Gia Lộc được công nhận là đô thị loại IV.
- Hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị, tiêu chuẩn đơn vị hành chính theo tiêu chí đô thị.
- Đến năm 2025, tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt từ 85% trở lên; tỷ lệ các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 80%.
- Hằng năm, tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng, chính quyền hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 80%; kết nạp từ 100 đến 130 đảng viên/năm; tỷ lệ tổ chức cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh, xuất sắc đạt 92%.

HUYỆN KIM THÀNH



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Kim Thành nằm ở cửa ngõ phía Đông tỉnh Hải Dương, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện An Dương

Phía Nam giáp huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

Phía Tây giáp huyện Nam Sách, huyện Thanh Hà và thành phố Hải Dương

Phía Bắc giáp thị xã Kinh Môn.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

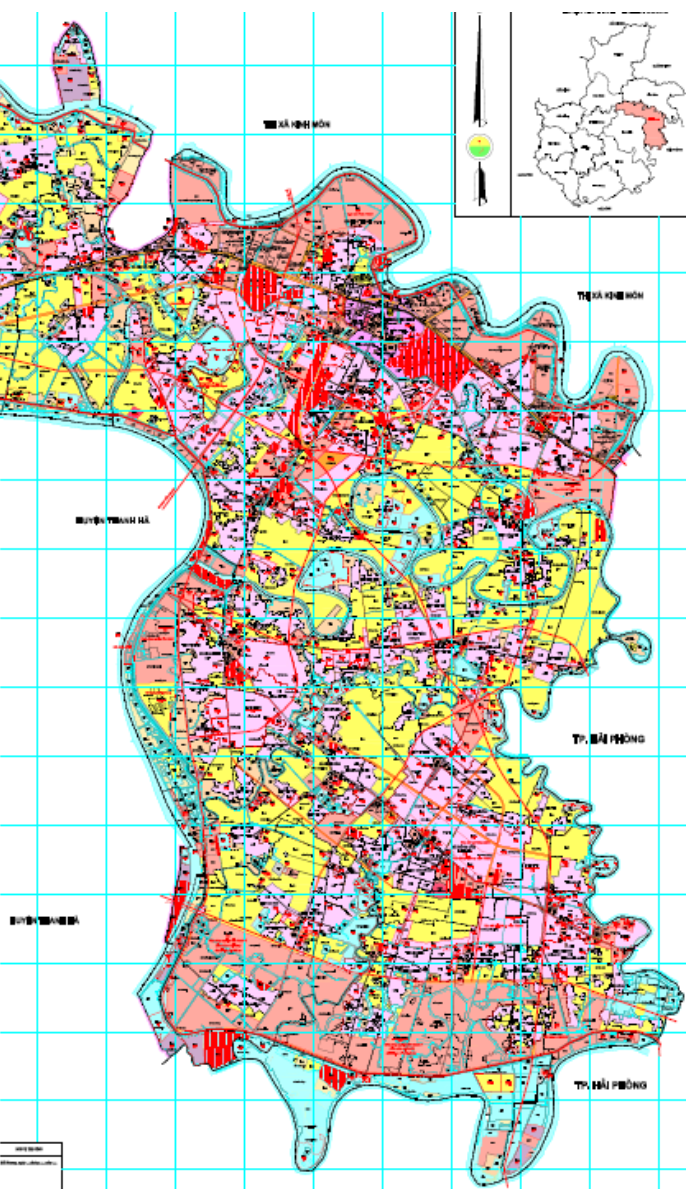
Diện tích: 112,9 km²

Dân số trung bình: 136.150 người

Mật độ: 1.206 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

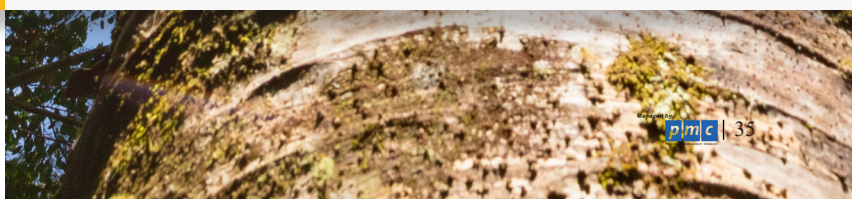
Huyện Kim Thành có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Phú Thái và 17 xã: Bình Dân, Cổ Dũng, Cộng Hòa, Đại Đức, Đồng Cẩm, Kim Anh, Kim Đính, Kim Liên, Kim Tân, Kim Xuyên, Lai Vu, Liên Hòa, Ngũ Phúc, Phúc Thành, Tam Kỳ, Thượng Vũ, Tuấn Việt.



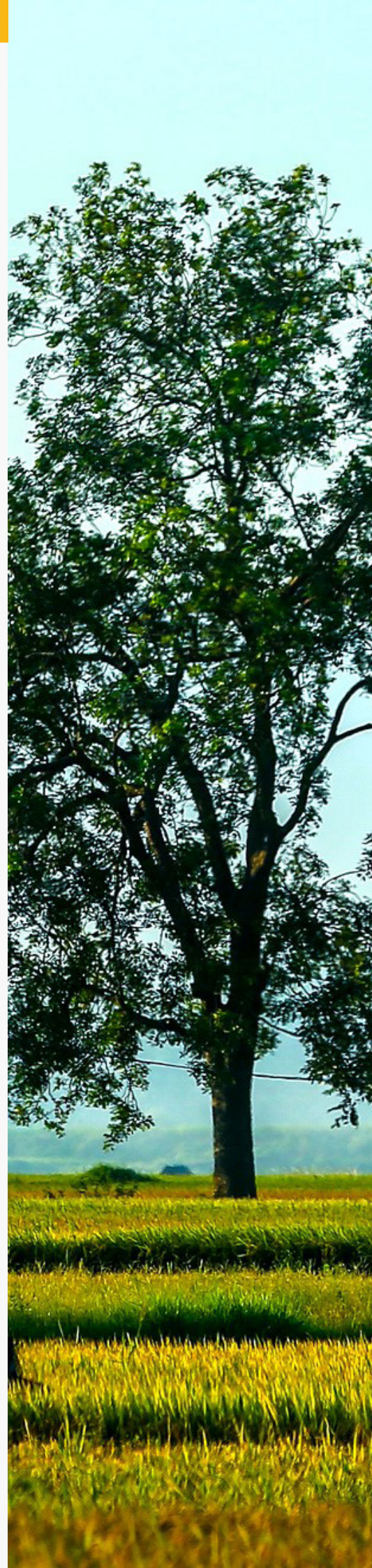
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

**GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025
TẦM NHÌN ĐẾN 2030**

“Tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể nhân dân; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giải quyết tốt các vấn đề xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, xây dựng huyện Kim Thành phát triển nhanh, bền vững”.

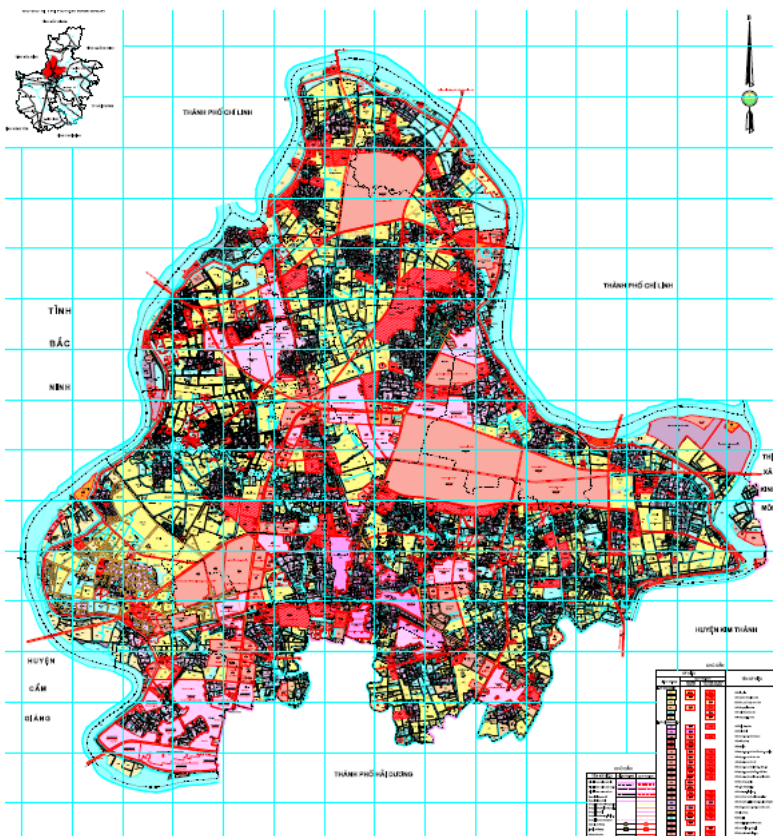


- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân từ 8,5% trở lên;
- Thu nhập bình quân đến năm 2025 đạt 100 triệu đồng/năm, đến năm 2030 đạt 150 triệu đồng/năm;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đạt 33% (đến năm 2030 đạt 43%);
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 180 triệu đồng;
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025 đạt 20%;
- Thu ngân sách nội địa tăng bình quân 10%/năm;
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 45%, năm 2030 đạt trên 60%;
- Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia năm 2025: mầm non 70%; tiểu học 98,7%; THCS 95%; THPT 80%;
- Phấn đấu giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn mới;
- Năm 2025, tất cả các cụm công nghiệp (có chủ đầu tư hạ tầng) có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu;
- Hằng năm, có trên 80% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên





HUYỆN NAM SÁCH



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Nam Sách nằm ở phía Bắc tỉnh Hải Dương, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp thị xã Kinh Môn và huyện Kim Thành

Phía Tây giáp huyện Cẩm Giàng và huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (với ranh giới tự nhiên là sông Thái Bình)

Phía Nam giáp thành phố Hải Dương

Phía Bắc giáp thành phố Chí Linh với ranh giới tự nhiên là sông Kinh Thầy





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 109,02 km²

Dân số trung bình: 126.325 người

Mật độ: 1.159 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Nam Sách có 19 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Nam Sách và 18 xã: An Bình, An Lâm, An Sơn, Cộng Hòa, Đồng Lạc, Hiệp Cát, Hồng Phong, Hợp Tiến, Minh Tân, Nam Chính, Nam Hồng, Nam Hưng, Nam Tân, Nam Trung, Phú Điền, Quốc Tuấn, Thái Tân, Thanh Quang.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, thủy sản bình quân đạt từ 2%/năm trở lên;
- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp, xây dựng đạt 13,5%/năm; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành dịch vụ đạt 10,3%/năm;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 90 triệu đồng/năm, đến năm 2030 đạt 150 triệu đồng;
- Cơ cấu lao động đến năm 2025, nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ là 18% - 56% - 26%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 82% (có chứng chỉ đạt 37%).
- Mỗi năm tạo việc làm mới cho 2.300 lao động.
- Giá trị sản xuất trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi thủy sản đến năm 2025 đạt 230 triệu đồng; định hướng đến năm 2030 là 260 triệu đồng.
- Đến năm 2025, có 10-11 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 3 - 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; định hướng đến năm 2030, huyện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu.





- Duy trì 100% số trường công lập đạt chuẩn quốc gia.
- Đến năm 2025, tỷ lệ bảo hiểm y tế đạt 98% số dân; tỷ lệ trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 55% (đến năm 2030 đạt 61%), bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 2,5% (đến năm 2030 đạt 5%). Bình quân đạt 23,6 giường bệnh/vạn dân; đến năm 2025 số bác sĩ bình quân đạt 7,2 bác sỹ/ vạn dân; tỷ lệ giới tính khi sinh dưới 110 bé trai/100 bé gái.
- Đến năm 2025, phấn đấu giảm 2/3 số hộ nghèo (theo chuẩn nghèo mới).
- Hằng năm, có trên 96% số làng, khu dân cư đạt danh hiệu văn hoá; trên 88% số gia đình đạt danh hiệu văn hoá; 85% số cơ quan, đơn vị trở lên đạt danh hiệu văn hoá.
- Đến năm 2025 tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%; trước năm 2030 đạt trên 60%, có ít nhất 50% số xã đạt tiêu chí phường, huyện trở thành thị xã.
- Đến năm 2025, phấn đấu 100% số cụm công nghiệp (có chủ đầu tư hạ tầng) có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% số doanh nghiệp được phê duyệt đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- 100% số gia đình sử dụng nước máy.
- Thu gom xử lý 100% rác thải sinh hoạt đô thị, 98% rác thải sinh hoạt nông thôn.
- Tỷ lệ phân loại rác thải tại nguồn đến năm 2025 đạt 30%, đến năm 2030 đạt 50%.
- Hằng năm, có trên 80% số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trên 90% chính quyền cơ sở, tập thể cơ quan, đơn vị đạt ao động tiên tiến; MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện đạt vững mạnh, xuất sắc; hằng năm kết nạp từ 90 đảng viên trở lên.



HUYỆN NINH GIANG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Ninh Giang là một huyện thuộc tỉnh Hải Dương, nằm bên bờ sông Luộc, có vị trí địa lý:

Phía Đông Nam giáp huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng qua sông Luộc

Phía Đông và phía bắc giáp huyện Tứ Kỳ

Phía Tây giáp huyện Gia Lộc và huyện Thanh Miện

Phía Nam giáp huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình với ranh giới là sông Luộc

Ninh Giang cách biển 25 km.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

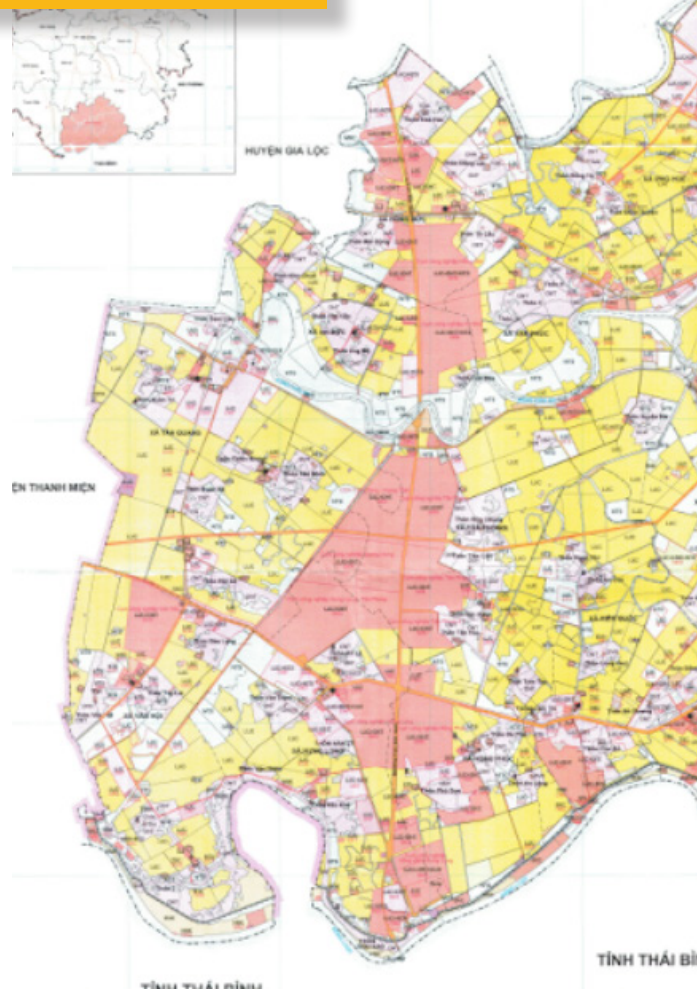
Diện tích: 135,4 km²

Dân số trung bình: 146.493 người

Mật độ: 1.082 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Ninh Giang có 20 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Ninh Giang và 19 xã: An Đức, Đồng Tâm, Đông Xuyên, Hiệp Lực, Hồng Dụ, Hồng Đức, Hồng Phong, Hồng Phúc, Hưng Long, Kiến Quốc, Nghĩa An, Ninh Hải, Tân Hương, Tân Phong, Tân Quang, Ứng Hòa, Văn Hội, Vạn Phúc, Vĩnh Hòa.



**MỘT SỐ CHỈ TIÊU
PHÁT TRIỂN CHÍNH**
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025
TẦM NHÌN ĐẾN 2030



Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy dân chủ, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo. Khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế của địa phương; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; phát triển toàn diện, bền vững kinh tế, văn hóa - xã hội; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Xây dựng, củng cố quốc phòng, quân sự địa phương; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng huyện Ninh Giang phát triển nhanh và bền vững. Phấn đấu đến năm 2030, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại IV.

- Phần đầu hàng năm tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, thủy sản bình quân đạt từ 2%/năm trở lên;
- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng đạt 25%/năm;
- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành dịch vụ đạt 15%/năm;
- Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng bình quân từ 10% trở lên so với kế hoạch được giao;
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 80 triệu đồng/năm;
- Cơ cấu lao động đến năm 2025 trong ngành nông nghiệp, thủy sản là 28%, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng là 45%, ngành dịch vụ là 27%.
- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo, được cấp chứng chỉ đạt 30% trở lên. Mỗi năm tạo việc làm mới cho 2.500-2.700 lao động.
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 180 triệu đồng/1 ha.
- Đến năm 2025, có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- Duy trì 85% trở lên số làng, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa, gia đình văn hóa.
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025 ở các cấp học mầm non, tiểu học, THCS đạt 100%, cấp THPT đạt 80%.
- Đến năm 2025, tỷ lệ bảo hiểm y tế đạt 97% số dân; tỷ lệ trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 55% trở lên.

- Duy trì 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; hạn chế đến mức thấp nhất tỷ số chênh lệch giới tính khi sinh.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm dưới 1%.
- Đến năm 2025, giảm 2/3 số hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới.
- Xây dựng quy hoạch vùng, gắn với quy hoạch đô thị nông thôn trong toàn huyện; chương trình phát triển đô thị để đến năm 2030 huyện cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại IV.
- Đến năm 2025, tỷ lệ hộ được sử dụng nước máy đạt 100%;
- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt trên 90%, rác thải đô thị 100%;
- Tiêu huỷ, xử lý 100% chất thải y tế, trên 95% chất thải nguy hại;
- Tỷ lệ các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%.
- Hằng năm có từ 90% trở lên tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 20% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém.
- Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 90% trở lên;
- Có 75% trở lên chính quyền cơ sở đạt tập thể lao động tiên tiến;
- Có 90% trở lên số tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Mỗi năm kết nạp từ 120 đảng viên trở lên.

HUYỆN THANH HÀ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

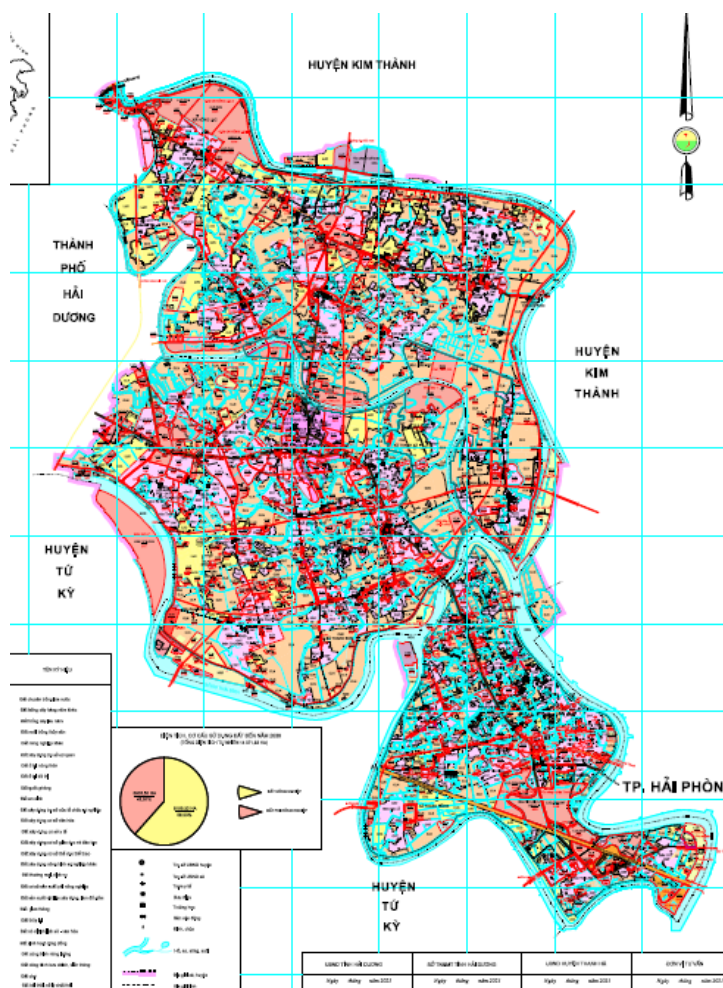
Huyện Thanh Hà nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Hải Dương, có vị trí địa lý:

Phía Đông và phía Bắc giáp huyện Kim Thành

Phía Đông Nam giáp huyện An Lão

Phía Nam giáp huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng

Phía Tây giáp huyện Tứ Kỳ và thành phố Hải Dương



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 140,7 km²

Dân số trung bình: 164.417 người

Mật độ: 1.169 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Thanh Hà có 20 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Thanh Hà và 19 xã: An Phượng, Cẩm Chế, Hồng Lạc, Liên Mạc, Tân An, Tân Việt, Thanh An, Thanh Cường, Thanh Hải, Thanh Hồng, Thanh Khê, Thanh Lang, Thanh Quang, Thanh Sơn, Thanh Thủy, Thanh Xá, Thanh Xuân, Việt Hồng, Vĩnh Lập.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
TẦM NHÌN ĐẾN 2030**

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sạch, gắn với công nghệ cao; phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch; kết hợp phát triển du lịch sinh thái gắn với phát triển nông nghiệp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư và khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển. Tăng cường bảo vệ tài nguyên, môi trường. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao. Tập trung giải quyết lao động, việc làm, thu nhập, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản tăng bình quân 2%/năm.
- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 15%/năm.
- Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân 12%/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 80 triệu đồng, đến năm 2030 đạt 125 triệu đồng.
- Phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 10%/năm.
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 đạt 175 triệu đồng/ha.
- Triển khai xây dựng 1 khu công nghiệp; 2 - 3 cụm công nghiệp.
- Đến năm 2025: Có từ 6 - 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; từ 2 - 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- Tỷ lệ kiên cố hóa đường giao thông nông thôn, đường nội đồng, đường ra đồng đến năm 2025 đạt 92%.



- Phấn đấu giảm 4/5 số hộ nghèo trong 5 năm theo tiêu chuẩn mới.
- Đến năm 2025, cơ cấu lao động (nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ) đạt: 28,7% - 44,8% - 26,5%.
- Giải quyết việc làm mới hàng năm 1.500 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đến năm 2025 đạt 35%.
- Số giường bệnh đạt 26,4 giường/vạn dân. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm 1%; tỷ số giới tính khi sinh duy trì dưới 110 bé trai/100 bé gái.
- Hằng năm duy trì tỷ lệ làng, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa đạt trên 95%.
- Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đến năm 2025 đạt 92%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đến năm 2025 đạt 40%.
- Đến năm 2025, tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom xử lý trên 90%.







HUYỆN THANH MIỆN



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thanh Miện là huyện đồng bằng nằm ở phía tây nam của tỉnh Hải Dương, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Gia Lộc và huyện Ninh Giang

Phía Tây giáp huyện Phù Cừ và huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hưng Yên

Phía Nam giáp huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình với ranh giới là sông Luộc

Phía Bắc giáp huyện Bình Giang.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 140,7 km²

Dân số trung bình: 164.417 người

Mật độ: 1.169 người/km²

[illegible]

100

HUYỆN TỨ KỲ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Tứ Kỳ nằm ở phía Đông Nam tỉnh Hải Dương, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng

Phía Tây giáp huyện Gia Lộc

Phía Nam giáp huyện Ninh Giang và huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

Phía Bắc giáp huyện Thanh Hà và thành phố Hải Dương.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 122,32 km²

Dân số trung bình: 137.537 người

Mật độ: 1.071 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

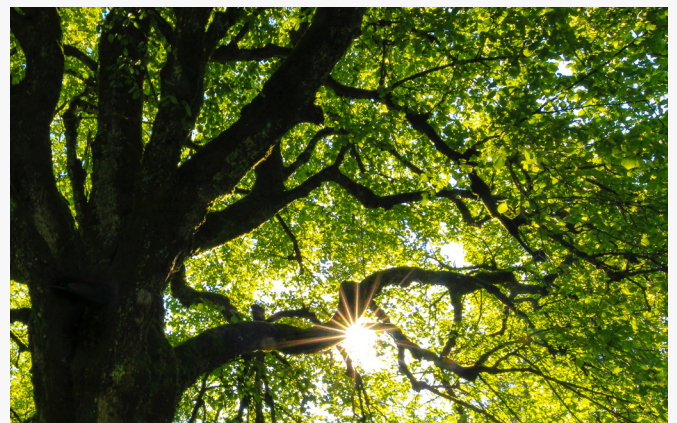
Huyện Tứ Kỳ có 23 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm thị trấn Tứ Kỳ và 22 xã: An Thanh, Bình Lãng, Chí Minh, Cộng Lạc, Đại Hợp, Đại Sơn, Dân Chủ, Hà Kỳ, Hà Thanh, Hưng Đạo, Minh Đức, Ngọc Kỳ, Nguyên Giáp, Phượng Kỳ, Quang Khải, Quảng Nghiệp, Quang Phục, Quang Trung, Tái Sơn, Tân Kỳ, Tiên Động, Văn Tố.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện của các tổ chức đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền và hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đổi mới, sáng tạo, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo đảm an ninh trật tự, hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương, xây dựng huyện Tứ Kỳ phát triển toàn diện, bền vững.

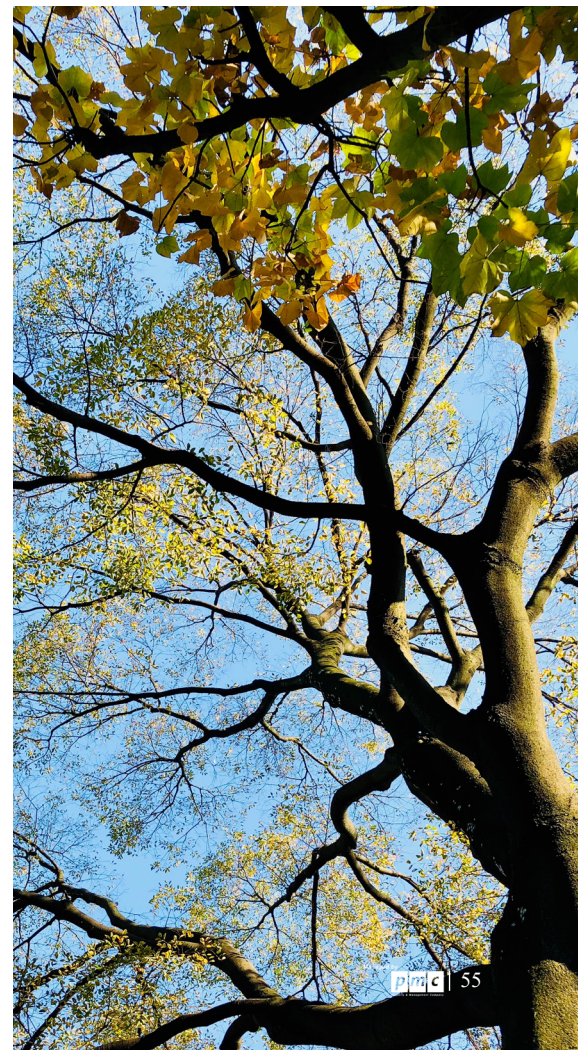


- Thu nhập bình quân đầu người đạt 90 triệu đồng/năm;
- Cơ cấu lao động các ngành nông nghiệp, thủy sản - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ tương ứng 25%-50%-25%;
- Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi thủy sản đạt 180 triệu đồng.
- Huyện phấn đấu có 10 xã đạt nông thôn mới nâng cao; 3 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu;
- 100% các trường học đạt chuẩn quốc gia;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%;
- Giảm 2/3 số hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới;
- Duy trì từ 90% số làng, khu dân cư, cơ quan văn hoá trở lên.
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 40%, xây dựng thị trấn Tứ Kỳ đạt đô thị loại IV, các xã Quang Phục, Đại Sơn, Nguyên Giáp, Minh Đức đạt đô thị loại V.





- Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới hằng năm tăng từ 10% trở lên.
- Tỷ lệ các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 50%.
- 100% các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn huyện có hệ thống xử lý nước thải bảo đảm quy định.
- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom xử lý đạt 100%.
- Hằng năm, có trên 80% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trên 90% số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ và kết nạp từ 130 đảng viên trở lên.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 15%/năm so với kế hoạch giao.



Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh Hải Dương Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Tỉnh Hải Dương

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/5d6asa>

Thành Phố Hải Dương

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ thành phố Hải Dương lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/2cdska>

Thành phố Chí Linh

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Chí Linh lần thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/usmaq1>

Thị xã Kinh Môn

Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Kinh Môn lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/6ckwmc>

Huyện Bình Giang

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Bình Giang lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/92jcud>

Huyện Cẩm Giàng

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Cẩm Giàng lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/92jcud>

Huyện Gia Lộc

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Gia Lộc lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/92jcud>

Huyện Kim Thành

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Kim Thành lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/6cncce>

Huyện Nam Sách

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nam Sách lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)
<https://bitly.com.vn/amc4mc>

Huyện Ninh Giang

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Ninh Giang lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025)
<https://bitly.com.vn/9snzh7>

Huyện Thanh Hà

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Thanh Hà lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/dhcuzm>

Huyện Thanh Miện

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Thanh Miện lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/92jcud>

Huyện Tứ Kỳ

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Tứ Kỳ lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/92jcud>



Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Hải Dương

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	DIỆN TÍCH (km ²)	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km ²)
TOÀN TỈNH	1.846.038	1.659	14.357
Thành phố Hải Dương	241.373	111,64	2.162
Thành Phố Chí Linh	171.879	282,91	608
Thị xã Kinh Môn	126.325	165,33	764
Huyện Bình Giang	119.229	104,7	1.139
Huyện Cẩm Giàng	147.810	108,95	1.357
Huyện Gia Lộc	151.298	99,7	1.518
Huyện Kim Thành	136.150	112,9	1.206
Huyện Nam Sách	126.325	109,02	1.159
Huyện Ninh Giang	146.493	135,4	1.082
Huyện Thanh Hà	164.417	140,7	1.169
Huyện Thanh Miện	137.537	122.32	1.124
Huyện Tứ Kỳ	177.202	165,5	1.071

